

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

**DANH MỤC TÀI LIỆU**

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế làm việc của Đại hội
3	Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2022
4	Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán (công ty mẹ và hợp nhất).
5	Báo cáo của Hội đồng quản trị
6	Báo cáo của Ban kiểm soát
7	Tờ trình phân phối lợi nhuận 2021
8	Tờ trình quyết toán lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch 2022
9	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022
10	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT
11	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ
12	Dự thảo Nghị quyết đại hội



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

1. Thời gian: **8h ngày 28/6/2022.**
2. Địa điểm: tầng 11, khu B, tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
3. Chương trình Đại hội

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	- Kiểm tra công tác thực hiện đăng kí quyền tham dự Đại hội.	8h -:- 8h 30ph	Ban tổ chức
II	- Tuyên bố lí do. - Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h 30ph	Ban tổ chức
III	Các nội dung trình Đại hội		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h 30ph-:- 8h 35ph	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử.	8h 35ph -:- 8h 45ph	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí; bầu Ban thẩm tra tư cách cổ đông; bầu Ban kiểm phiếu.	8h 45ph -:- 8h 50ph	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	8h 50ph -:- 9h 00ph	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày, thuyết minh các tờ trình, báo cáo:	9h 00ph -:- 10h 00ph	Đoàn Chủ tịch
5.1	<i>Kế hoạch SXKD năm 2022.</i>		
5.2	<i>Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán</i>		
5.3	<i>Báo cáo của Hội đồng quản trị.</i>		
5.4	<i>Báo cáo của Ban kiểm soát.</i>		
5.5	<i>Phương án phân phối lợi nhuận 2021.</i>		
5.6	<i>Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS.</i>		
5.7	<i>Lựa chọn đơn vị kiểm toán.</i>		



5.8	Miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT		
5.9	Bổ sung Điều lệ		
6	Đại hội thảo luận, bầu và biểu quyết các vấn đề đã nêu.	10h 00ph -:- 10h30	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h 30ph -:- 11h 00ph	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h 00ph -:- 11h 15ph	Ban kiểm phiếu
9	Thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.	11h 15ph -:- 11h 30ph	Đoàn Chủ tịch và Thư ký
IV	Bế mạc Đại hội.	11h 30ph	Đoàn Chủ tịch



Số: 317/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**QUY CHẾ**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

*Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;*

*Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Sông Đà 10;*

*Căn cứ vào Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.*

Để tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đã xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội như sau:

**Điều 1. Đoàn Chủ tịch**

Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ toạ Đại hội.

**Điều 2. Nguyên tắc làm việc và nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch**

1. Nguyên tắc làm việc: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu.

**Điều 3. Thư ký Đại hội**

Thư ký đại hội gồm 2 người do Chủ toạ đại hội cử. Thư ký đại hội thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của mình:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.



2. Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận, dự thảo Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu.

3. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

#### **Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông**

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 2 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Theo Điều lệ Công ty, Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành.

#### **Điều 5. Ban bầu cử và kiểm phiếu**

Ban bầu cử và kiểm phiếu của Đại hội gồm 3 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Tiến hành các công việc, thủ tục cần thiết và hướng dẫn cổ đông bầu, biểu quyết các nội dung của Đại hội;
- b) Tập hợp, lập biên bản kiểm phiếu;
- c) Công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

#### **Điều 6. Cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền tham dự Đại hội.

Các cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

Trong quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.

Cổ đông giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và quản lý tài liệu, không sao chép ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội.

#### **Điều 7. Phát biểu ý kiến trong Đại hội**

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua thư ký Đại hội) khi phát biểu hoặc cần thảo luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được

590  
ING T  
PHAI  
IG ĐÀ  
LIÊM -

phát biểu ý kiến. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp. Nếu quá thời lượng này Chủ tọa đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

### **Điều 8. Biểu quyết**

1. Mỗi cổ đông dự họp được phát 03 phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo nội dung của Đại hội.

2. Quy ước biểu quyết:

a) Phiếu biểu quyết số 01 dùng để biểu quyết các nội dung sau đây:

- Biểu quyết thông qua chương trình của Đại hội;
- Biểu quyết thông qua quy chế làm việc của Đại hội;
- Biểu quyết thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- Biểu quyết thông qua Ban thư ký Đại hội;
- Biểu quyết thông qua Ban bầu cử và kiểm phiếu;
- Biểu quyết thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội;
- Các vấn đề khác theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch.

Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

b) Phiếu biểu quyết màu trắng số 02 dùng để biểu quyết bằng cách tích ý kiến của mình vào 1 trong 3 ô vuông: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với các nội dung sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Quyết toán tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch tiền lương,



thù lao năm 2022;

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;
- Bổ sung Điều lệ.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tập hợp phiếu biểu quyết: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp báo cáo bằng biên bản và được công bố trước Đại hội.

Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi: đạt tỷ lệ ít nhất 51% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự tán thành, riêng việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải đạt tỉ lệ ít nhất 65% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự tán thành, các vấn đề phát sinh khác thực hiện theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

c) 01 phiếu biểu quyết màu trắng còn lại (số 03) dùng để miễn nhiệm và bầu 01 thành viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử, ứng cử và thủ tục bầu, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.


#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc phát sinh trong quá trình Đại hội sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT. 



**Trần Tuấn Linh**

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua kế hoạch SXKD năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

*Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;*

Căn cứ vào nguồn lực của công ty mẹ - Công ty CP Sông Đà 10 và tình hình thực tế, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

**I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU**

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐTV	Kế hoạch 2022	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>		<b>926.000</b>	<b>740.000</b>
1	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đồng	844.090	718.090
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 <sup>6</sup> đồng	26.910	21.910
3	Giá trị kinh doanh điện	10 <sup>6</sup> đồng	55.000	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tài chính</b>			
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đồng	896.200	728.200
2	Nộp nhà nước	10 <sup>6</sup> đồng	47.300	27.200
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đồng	8.300	13.400
4	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đồng	5.591	10.691
5	Tỷ suất	10 <sup>6</sup> đồng		
-	Lợi nhuận cận biên	%	0,9	1,8
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	1,3	2,5
	LNST/VCSH	%	0,6	1,3
6	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đồng	879.400	817.900
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 <sup>6</sup> đồng	427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,11	1,55
9	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%		2%

**II. Các nhiệm vụ trọng tâm**

- Xây dựng cá biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện kế hoạch, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2022.
- Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng công





trình theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thực hiện tại công trình thủy điện Yaly mở rộng, Xekaman 3 . . .

3. Chỉ đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành Nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

4. Tập trung thu hồi công nợ tại các công trình để giảm giá trị khối lượng dở dang và công nợ.

5. Tiếp tục củng cố, xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Đấu thầu TCT Sông Đà để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo kế hoạch, chiến lược tiếp thị, đấu thầu của TCT.

6. Tập trung thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của đơn vị theo kế hoạch.

7. Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm các chi phí xăng xe, điện nước, văn phòng phẩm . . .

Trên đây là kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT.



**Trần Tuấn Linh**



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

TH NĂM 2021 VÀ KH NĂM 2022

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021			TH năm 2021			KH năm 2022					
			Trong đó			Trong đó			Trong đó					
			Tổ hợp	Công ty mẹ	Công ty con 10.1	Tổ hợp	Công ty mẹ	Công ty con 10.1	Tổ hợp	Công ty mẹ	Công ty con 10.1			
I	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	1.000.000	817.000	130.000	53.000	999.497	937.821	94.796	57.383	926.000	740.000	131.000	55.000
1	Giá trị kinh doanh XL		919.262	801.781	117.481		914.924	916.598	88.829		844.090	718.090	126.000	
2	Giá trị KD SP ngoài XL		27.738	15.219	12.519		27.190	21.223	5.967		26.910	21.910	5.000	
3	Giá trị kinh doanh điện		53.000			53.000	57.383				55.000			55.000
II	Kế hoạch tài chính	10 <sup>6</sup> đ												
1	Doanh số		1.148.268	905.113	190.155	53.000	1.117.830	1.033.847	119.440	57.303	964.795	781.044	128.751	55.000
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	1.100.500	871.000	181.069	48.431	1.081.707	1.006.869	113.459	52.094	896.200	728.200	118.000	50.000
3	Nộp nhà nước	10 <sup>6</sup> đ	42.000	27.000	4.791	10.209	55.790	40.261	3.946	11.583	47.300	27.200	8.985	11.115
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	8.400	20.900	1.585	-14.085	-5.763	8.351	-15.578	-5.387	8.300	13.400	488	-5.588
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	4.206	16.706	1.585	-14.085	-14.265	1.331	-15.578	-5.387	5.591	10.691	488	-5.588
6	Tỷ suất LN	%												
-	LN cận biên (Doanh thu/LN)	%	0,76%	2,40%	0,88%	-29,08%	-0,53%	0,83%	-13,73%	-10,34%	0,93%	1,84%	0,41%	-11,18%
III	Lao động và tiền lương	Người												
-	Tổng số CBCNV bình quân		1.054	881	150	23	917	760	133	24	1.009	854	130	25
-	Thu nhập bình quân tháng 1 CBCNV	10 <sup>6</sup> đ	13,88	14,10	13,00	11,10	17,66	18,80	12,20	11,80	14,03	14,10	13,80	12,90
IV	Chỉ tiêu KL chủ yếu													
-	Khoan nổ đá hờ	m3	73.718	73.718	0		70.032	70.032	0		57.555	56.230	1.325	
-	Khoan nổ đá hầm	m3	289.491	285.771	3.720		275.016	271.483	3.534		274.360	268.720	5.640	
-	Khoan neo các loại	md	90.546	90.546			86.018	86.018	0		87.422	86.192	1.230	
-	SXLĐ cốt thép các loại	tấn	2.991	2.442	549		2.842	2.320	522		2.378	1.946	432	
-	Bê tông các loại	m3	41.646	33.825	7.821		39.563	32.133	7.430		33.195	26.370	6.825	
-	Phun XM các loại	md.	30.560	17.716	12.844		29.032	16.830	12.202		17.975	11.230	6.745	
-	Khoan phun các loại	m2	110.463	101.572	8.891		104.940	96.493	8.446		81.983	76.120	5.863	
-	Sản lượng điện kinh doanh	kwh	36.302.875			36.302.875	36.362.750				36.362.750	39.024.958		39.024.958
V	Kế hoạch đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	68.000	68.000			2.650	2.650			30.000	30.000		

PHÒNG KTKH

LẬP BIỂU

*Nguyễn Tuấn Anh*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
 SÔNG ĐÀ 10  
 Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

*Trần Thị Kiều*  
 Phó Giám đốc

*Nguyễn Tuấn Anh*  
 Giám đốc



Số: 316/BCKT-TC/AVA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Sông Đà 10

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Sông Đà 10, được lập ngày 28/03/2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh VII.5 của Báo cáo tài chính, các khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 lần lượt là 134.238.110.563 đồng và 77.622.982.124 và Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (01/01/2021: 188.552.542.943 đồng) và 11.827.337.000 đồng. Đây là các khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, trong năm 2021 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



---

**Ngô Quang Tiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0448-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

---

**Lê Thùy Dương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
2879-2020-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.733.653.350.833</b>	<b>1.867.401.525.154</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>28.817.162.597</b>	<b>13.413.276.803</b>
1. Tiền	111		28.817.162.597	13.413.276.803
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.412.718.348.897</b>	<b>1.435.003.504.643</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.298.773.060.290	1.273.805.989.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.207.999.148	26.104.151.198
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	96.202.859.701	153.558.934.106
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(12.465.570.242)	(18.465.570.242)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>254.457.177.783</b>	<b>397.929.857.704</b>
1. Hàng tồn kho	141		254.457.177.783	397.929.857.704
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.660.661.556</b>	<b>21.054.886.004</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.660.661.556	21.054.886.004
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>365.236.194.821</b>	<b>390.660.661.012</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.500.000</b>	<b>69.250.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	37.500.000	69.250.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>177.518.490.173</b>	<b>197.841.998.587</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	177.518.490.173	197.841.998.587
- Nguyên giá	222		758.887.749.909	786.917.587.833
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(581.369.259.736)	(589.075.589.246)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>190.230.000</b>	<b>190.230.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		190.230.000	190.230.000
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>145.862.929.374</b>	<b>150.134.915.502</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	4.560.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		96.904.997.000	89.205.865.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(69.400.000.000)	(61.988.881.872)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.627.045.274</b>	<b>42.424.266.923</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	41.627.045.274	42.424.266.923
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>2.098.889.545.654</b>	<b>2.258.062.186.166</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.299.857.359.971</b>	<b>1.457.361.041.359</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.084.234.605.974</b>	<b>1.190.552.265.843</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	352.336.492.820	365.871.908.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	119.207.012.214	94.153.709.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	29.591.044.897	33.449.759.248
4. Phải trả người lao động	314		48.832.486.300	58.646.235.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	54.878.333.094	54.237.927.042
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	193.633.298	207.611.836
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	46.369.901.673	119.863.184.539
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	428.756.579.377	460.386.507.325
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.069.122.301	3.735.422.301
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>215.622.753.997</b>	<b>266.808.775.516</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	29.354.892.141	27.828.032.960
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	186.267.861.856	238.980.742.556
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>799.032.185.683</b>	<b>800.701.144.807</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>799.032.185.683</b>	<b>800.701.144.807</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		288.722.797.097	288.723.047.097
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.919.756.665	34.588.465.789
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.588.465.789	28.270.077.429
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.331.290.876	6.318.388.360
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.098.889.545.654</b>	<b>2.258.062.186.166</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.010.744.431.423	884.105.773.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.507.230.994	7.508.018.157
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1.005.237.200.429</b>	<b>876.597.754.955</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	876.791.553.644	726.122.099.619
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>128.445.646.785</b>	<b>150.475.655.336</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	185.437.261	1.012.203.477
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	61.886.947.155	58.319.211.018
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.286.929.789	58.302.729.368
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	47.135.673.935	64.709.420.468
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>19.608.462.956</b>	<b>28.459.227.327</b>
10. Thu nhập khác	31	VI.7	1.447.054.192	1.864.646.053
11. Chi phí khác	32	VI.8	12.704.312.138	3.768.547.538
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(11.257.257.946)</b>	<b>(1.903.901.485)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.351.205.010</b>	<b>26.555.325.842</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.019.914.134	20.236.937.482
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.331.290.876</b>	<b>6.318.388.360</b>

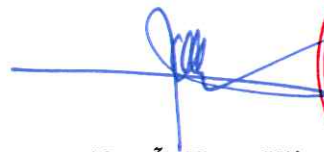
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>8.351.205.010</b>	<b>26.555.325.842</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		21.008.208.414	16.558.000.287
- Các khoản dự phòng	03		1.411.118.128	(7.931.449.668)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19.894.635)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.193.033.535)	(1.519.039.376)
- Chi phí lãi vay	06		52.286.929.789	58.302.729.368
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>81.844.533.171</b>	<b>91.965.566.453</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.711.130.194	34.237.388.969
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		143.472.679.921	42.786.963.970
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(49.394.145.536)	(49.362.895.726)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		797.221.649	28.285.848.111
- Tiền lãi vay đã trả	14		(52.576.262.634)	(58.542.296.573)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.931.268.368)	(3.719.671.053)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.666.550.000)	(2.649.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>115.257.338.397</b>	<b>83.001.204.151</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(684.700.000)	(97.407.396.962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.130.330.909	513.636.364
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.139.132.000)	(5.481.106.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		165.542.626	31.243.012
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.527.958.465)</b>	<b>(102.343.623.586)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2021  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		541.972.785.438	610.575.671.409
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(626.315.594.086)	(615.216.950.237)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.982.685.490)	(3.103.273.510)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(97.325.494.138)</b>	<b>(7.744.552.338)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>15.403.885.794</b>	<b>(27.086.971.773)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>13.413.276.803</b>	<b>40.500.248.576</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>28.817.162.597</b>	<b>13.413.276.803</b>

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

Số: 315/BCKT-TC/AVA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Sông Đà 10

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Sông Đà 10, được lập ngày 28/03/2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh VII.5 của Báo cáo tài chính, khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (01/01/2021 là 188.552.542.943 đồng) và 11.827.337.000 đồng. Đây là khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, trong năm 2021 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.



---

**Ngô Quang Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN Kiểm toán số  
0448-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

---

**Lê Thùy Dương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN Kiểm toán số  
2879-2020-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.984.323.015.422</b>	<b>2.147.622.321.025</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>32.154.043.375</b>	<b>17.225.837.508</b>
1. Tiền	111		32.154.043.375	17.225.837.508
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.555.615.262.837</b>	<b>1.588.576.105.328</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.363.305.154.328	1.344.545.257.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.567.362.123	26.302.651.198
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	32.564.522.709	38.481.148.173
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	132.382.161.065	188.450.985.464
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.8	(13.033.572.625)	(19.033.572.625)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	9.829.635.237	9.829.635.237
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.9	<b>350.199.406.079</b>	<b>513.249.174.495</b>
1. Hàng tồn kho	141		350.199.406.079	513.249.174.495
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46.354.303.131</b>	<b>28.571.203.694</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	2.139.175.263	961.851.378
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		43.815.127.868	27.209.352.316
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	400.000.000	400.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>771.148.313.760</b>	<b>820.726.699.426</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>77.500.000</b>	<b>109.250.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	77.500.000	109.250.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>630.340.007.177</b>	<b>674.793.870.905</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	630.340.007.177	674.793.870.905
- Nguyên giá	222		1.536.212.193.590	1.570.023.935.409
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(905.872.186.413)	(895.230.064.504)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>190.230.000</b>	<b>190.230.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		190.230.000	190.230.000
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>93.904.997.000</b>	<b>97.614.424.174</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	11.408.559.174
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		96.904.997.000	89.205.865.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.635.579.583</b>	<b>48.018.924.347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	41.627.045.274	42.424.266.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.008.534.309	5.008.534.309
3. Lợi thế thương mại	269		-	586.123.115
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>2.755.471.329.182</b>	<b>2.968.349.020.451</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.914.511.916.258</b>	<b>2.103.249.197.130</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.439.509.162.261</b>	<b>1.538.483.517.240</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	356.106.295.451	384.959.819.382
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	119.207.012.214	94.153.709.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	37.651.508.740	44.311.008.306
4. Phải trả người lao động	314		51.800.807.064	62.658.310.292
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	120.328.130.746	104.041.980.871
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	193.633.298	207.611.836
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	126.577.467.496	200.501.669.973
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	623.005.660.641	643.321.460.589
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.638.646.611	4.327.946.611
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>475.002.753.997</b>	<b>564.765.679.890</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	29.354.892.141	27.828.032.960
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	432.367.861.856	525.139.870.556
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		13.280.000.000	11.797.776.374
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>840.959.412.924</b>	<b>865.099.823.321</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>840.959.412.924</b>	<b>865.099.823.321</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.901.000.000	3.901.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		396.319.577.252	396.319.827.252
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.462.220.752)	(7.614.592.151)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.489.296.574)	(7.489.963.212)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.972.924.178)	(124.628.939)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(7.188.575.497)	(4.896.043.701)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>2.755.471.329.182</b>	<b>2.968.349.020.451</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.080.841.360.042	967.247.078.301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.507.230.994	7.508.018.157
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1.075.334.129.048</b>	<b>959.739.060.144</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	926.965.443.185	773.967.479.723
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>148.368.685.863</b>	<b>185.771.580.421</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.625.824.226	7.028.928.216
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	94.089.438.363	105.570.911.882
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.900.539.125	105.554.430.232
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		26.145.249	135.673.455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.621.271.014	71.244.917.582
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.309.945.961</b>	<b>16.120.352.628</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.746.733.540	1.897.349.587
12. Chi phí khác	32	VI.8	12.819.997.715	4.450.517.910
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(11.073.264.175)</b>	<b>(2.553.168.323)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.763.318.214)</b>	<b>13.567.184.305</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.019.914.134	20.236.937.482
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.482.223.626	(2.195.196.690)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-5)</b>	<b>60</b>		<b>(14.265.455.974)</b>	<b>(4.474.556.487)</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(11.972.924.178)	(124.628.939)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.292.531.796)	(4.349.927.548)
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	VI.11	<b>(280)</b>	<b>(73)</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>		<b>(280)</b>	<b>(73)</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		(5.763.318.214)	13.567.184.305
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		45.837.695.022	42.263.620.005
- Các khoản dự phòng	03		(6.000.000.000)	(7.931.449.668)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19.894.635)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.133.420.500)	(7.535.764.115)
- Chi phí lãi vay	06		91.900.539.125	105.554.430.232
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>119.821.600.798</b>	<b>145.918.020.759</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.056.314.590	40.223.809.347
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		163.049.768.416	31.122.902.553
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(68.002.873.155)	(51.863.176.595)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(380.102.236)	28.051.980.801
- Tiền lãi vay đã trả	14		(75.580.262.634)	(85.432.296.573)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.931.268.368)	(3.719.671.053)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.689.550.000)	(2.738.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>135.343.627.411</b>	<b>101.562.869.239</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(819.981.818)	(97.407.396.962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.527.490.909	513.636.364
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.916.625.464	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.139.132.000)	(5.481.106.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.170.070.039	1.015.791.630
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.655.072.594</b>	<b>(101.359.074.968)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020 (trình bày lại)
1	2	3	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		541.972.785.438	615.575.671.409
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(655.060.594.086)	(637.119.159.961)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.982.685.490)	(3.103.273.510)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(126.070.494.138)</b>	<b>(24.646.762.062)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>14.928.205.867</b>	<b>(24.442.967.791)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>17.225.837.508</b>	<b>41.668.805.299</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>32.154.043.375</b>	<b>17.225.837.508</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn



Số: 319/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

## BÁO CÁO

### Của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị (HĐQT) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo gồm các phần sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021;
- Hoạt động của HĐQT trong năm 2021;
- Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2022.

#### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2021

Trong năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tham gia thi công xây lắp tại các Dự án như: thủy điện Nam Emoun và thủy điện Xe-Ka-Man 3 ở Lào; thủy điện Đắc Mì 2 ở tỉnh Quảng Nam, thủy điện Thượng Kon Tum ở tỉnh Kon Tum, thủy điện Yaly mở rộng ở tỉnh Gia Lai.

Do tình hình dịch bệnh Covid vẫn diễn biến rất phức tạp nên trong năm vừa qua Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số thời điểm phải dừng thi công, phát sinh nhiều chi phí trong việc di chuyển nhân lực, vật tư thiết bị, chi phí phòng chống dịch . . . đặc biệt là đối với các công trình ở bên Lào.

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng tập thể CBCNV Công ty đã cố gắng vượt qua để thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2021. Về chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt kế hoạch. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu khác vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, cụ thể như sau:

- LNTT của công ty mẹ là 8,351 tỷ đồng/20,9 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 39,96% kế hoạch năm; LNST của công ty mẹ là 1,331 tỷ đồng/16,706 tỷ đồng, đạt 7,97% KH năm. LNTT của cả tổ hợp là - 5,763 tỷ đồng/8,4 tỷ đồng, đạt tỷ lệ - 68,61 % kế hoạch năm; LNST của tổ hợp là - 14,265 tỷ đồng/7,206 tỷ đồng, đạt - 339,16 % KH năm. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch là do:

- + Việc thu hồi công nợ chậm dẫn đến lãi vay ngân hàng tăng cao, làm giảm lợi nhuận;
- + Phát sinh các chi phí lớn do dịch bệnh Covid như đã nêu trên;
- + Một số công trình bị giảm trừ khi quyết toán như: Sử Pán 1, Huội Quảng, Lai Châu;
- + Giảm trừ vào lợi nhuận số thuế TNDN phải nộp đối với công ty có giao dịch liên kết theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP và theo kết luận của Cục thuế TP Hà Nội (năm 2018



là 6,38 tỷ đồng, năm 2020 là 8,06 tỷ đồng);

+ Do tính cạnh tranh cao nên một số công trình đấu thầu có giá đầu thu thấp dẫn đến lợi nhuận không cao.

- Công nợ phải thu còn lớn: 1.291,846 tỷ đồng, giảm so với đầu năm 101,715 tỷ đồng (đầu năm là 1.393,561 tỷ đồng). Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp quyết liệt đối với các khoản nợ bên ngoài TCT Sông Đà như thuê dịch vụ đòi nợ, thuê luật sư để tiến hành thủ tục khởi kiện, qua đó cũng đã thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên do công nợ phải thu đối với các công trình có Ban điều hành nội bộ của TCT Sông Đà còn chiếm tỉ trọng lớn nên việc thu hồi còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác tìm kiếm việc làm không đạt yêu cầu đề ra.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021**

### **1. Hoạt động của HĐQT**

Trong năm qua tập thể HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đã thông qua để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD Công ty, trong đó bao gồm các nội dung quan trọng như sau:

a) Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền (kế hoạch năm) hoặc ban hành để Tổng giám đốc triển khai thực hiện (KH quý).

b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty đối với Ban Tổng giám đốc điều hành.

c) Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

### **2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT**

a) Lương, thù lao của Hội đồng quản trị

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổng mức lương và thù lao tối đa của HĐQT, BKS là 1.080.000.000 đồng.

Đến nay, Công ty mới chỉ tạm ứng lương với mức 70% kế hoạch cho: Chủ tịch HĐQT đến hết tháng 12/2021; 01 thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Trưởng ban kiểm soát đến hết tháng 6 năm 2021. Toàn bộ thù lao năm 2021 của các thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại đều chưa được tạm ứng hoặc chi trả.

Hiện HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thông qua quyết toán lương, thù lao năm 2021 cho HĐQT và BKS. Sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty sẽ chi trả phần còn lại cho các thành viên HĐQT, BKS vào thời điểm thích hợp.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2021, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính

CÔNG  
CỔ PH  
NG I  
LIÊN

vào chi phí của Công ty theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không cấp thêm bất kì một khoản kinh phí nào khác cho HĐQT cũng như từng thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ.

### **3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT**

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành họp 07 lần, ngoài ra HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT đều tham gia theo đúng quy và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời Công ty cũng gửi các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng lên Website của Công ty theo các qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm qua, HĐQT đã ban hành 34 Nghị quyết và Quyết định để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin bằng cách gửi Ủy ban chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội, đăng tải lên Website của Công ty.

### **4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hàng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2021.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2022**

### **1. Những thuận lợi và khó khăn**

#### **a) Thuận lợi:**

- Chính phủ tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển hạ tầng như giao thông, năng lượng, nhiều dự án lớn đã được Chính phủ trình ra Quốc hội;
- Chính phủ tiếp tục thông qua và triển khai các gói kích thích kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình mới;
- Thương hiệu và uy tín của Công ty Sông Đà 10 được Chủ đầu tư tín nhiệm qua việc thi công các công trình;
- Năng lực thi công được tăng cường do Công ty mới đầu tư thêm một số thiết bị quan trọng, có giá trị lớn: 5 máy khoan hầm, 3 máy xúc, 5 quạt gió hầm, 4 máy phát điện và một



số máy biến áp, xe bán tải....

b) Khó khăn:

- Tình hình dịch Covid vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp trên diện rộng;
- Phần lớn giá trị sản lượng trong năm 2022 của Công ty chưa có hợp đồng;
- Tại các công trình bên Lào, lực lượng lao động của Công ty đang thiếu hụt và công tác huy động hết sức khó khăn do dịch bệnh Covid;
- Công nợ tồn đọng lớn và việc thu hồi rất khó khăn do công nợ phần lớn tại các công trình có Ban điều hành nội bộ của TCT Sông Đà và các chủ đầu tư cũng chưa thu xếp đủ vốn;
- Việc cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, cả về giá thành cũng như tiêu chuẩn thi công.

## 2. Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động và nhiệm vụ trong năm 2022 như sau:

- a) Giữ hoạt động của Công ty ổn định, đáp ứng được các yêu cầu công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Cùng cố và nâng cao năng lực thi công, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của Công ty;
- b) Đôn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính – tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD;
- c) Chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm đủ việc làm cho năm 2022 và những năm tiếp theo. Mục tiêu trong năm 2022 phải ký được các hợp đồng mới với giá trị từ 800 tỷ đồng trở lên;
- d) Chỉ đạo công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh kém;
- e) Rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty;
- f) Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị công ty trong năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2022. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



**Trần Tuấn Linh**



Số: 02/SD10-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2021 như sau:

### I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

#### 1. Cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 10 nhiệm kỳ 2021-2025 gồm 3 thành viên:

- Bà Lê Thị Mai Hương – Trưởng ban kiểm soát không chuyên trách.
- Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm soát viên kiêm nhiệm
- Bà Vũ Thị Tố Nga – Kiểm soát viên kiêm nhiệm.

#### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2021, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty, Quy chế TC&HĐ của Ban KS. BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên, kết quả cụ thể như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐH ngày 30/6/2021.
- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (khi được mời);
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2021;
- BKS được cung cấp thông tin về các Quyết định của HĐQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam;

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

## II. Kết quả hoạt động của công ty năm 2021:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

### 1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021:

#### 1.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Năm 2021, Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm, mặc dù vậy, HĐQT và Tổng giám đốc công ty đã nỗ lực chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, nghiệm thu thanh toán thu hồi công nợ,... và đã đạt được kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	817	937,82	115%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	871	1.006,8	115%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,9	8,35	40%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,706	1,33	8%
5	Tỷ suất LN/DT	%	2,4	0,8	33%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,1	0,16	7,6%
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng		2.098,88	
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	769,2	799,03	104%
9	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	1,8	1,63	91%
10	Cổ tức	%	6	0	0%

Các chỉ tiêu kinh tế đạt kế hoạch là giá trị SXKD và doanh thu, riêng chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế lợi nhuận, cổ tức không đạt kế hoạch và đạt rất thấp, nguyên nhân chủ yếu:

- Một số dự án khi quyết toán bị giảm trừ như: công trình thủy điện Lai Châu, Huội Quảng.
- Một số gói thầu, công trình đấu thầu giá thấp nên ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm, vướng mắc về kinh tế tại các dự án giao thầu tồn tại kéo dài nhiều năm chưa giải quyết nên công nợ, dở dang tồn đọng lớn phát sinh chi phí lãi vay, chi phí phục vụ công tác quyết toán phát sinh lớn ngoài kế hoạch không có nguồn thu để bù đắp ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận.

#### 1.2. Kết quả kinh doanh – Quản lý giá thành – Chi phí quản lý:

##### a) Kết quả kinh doanh

- Doanh thu năm 2021 là 1.006,8 tỷ đồng đạt 115% kế hoạch năm; lợi nhuận là 8,35 tỷ đồng và chỉ đạt 40% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 8,35 tỷ đồng và đạt 40% kế hoạch năm, hoạt động SXKD chưa hoàn thành kế hoạch năm. Một số công trình ghi nhận kết quả lỗ năm 2021: Hàm Dèo Cả lỗ 19,063 tỷ đồng; TĐ Nậm Chiến lỗ 10,761 tỷ đồng (toàn bộ số lỗ do phân bổ chi phí lãi vay trong kỳ); CT Đăkmi 2 lỗ 12,6 tỷ đồng;...04/06 xí nghiệp báo lỗ gồm Xí nghiệp 10.3 lỗ 27,24 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.6 lỗ 2,943 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.7 lỗ 7,591 tỷ đồng; Xí nghiệp cơ khí lỗ 9,915 tỷ đồng.

- Trong năm 2021, có 18 công trình lỗ với số lỗ là 56,482 tỷ đồng; có 6 công trình ghi nhận lãi với số lãi 91,301 tỷ đồng.

#### *b) Chi phí quản lý*

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 47,13 tỷ đồng chiếm 4,7% doanh thu thực hiện và giảm 17,57 tỷ đồng so với năm 2020 (64,7 tỷ đồng) và tương ứng mức giảm là 27%. Riêng trong năm 2021 đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 6 tỷ đồng.

### **1.3. Về đầu tư tài chính, đầu tư máy móc thiết bị**

#### *a) Tình hình đầu tư tài chính:*

- Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào 02 công ty con, 04 công ty khác với giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2021 là 215,26 tỷ đồng, trong đó có 03 công ty kinh doanh không hiệu quả. Năm 2021 đã góp vốn đợt tiếp theo vào Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ Túy Loan với số tiền 3,139 tỷ đồng nâng tổng vốn góp tại đây lên 88,393 tỷ đồng (bao gồm Sông Đà 10 góp 59,719 tỷ đồng và các nhà thầu phụ góp 28,674 tỷ đồng).

- Tại thời điểm 31/12/2021, trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 69,4 tỷ đồng. Gồm khoản trích lập dự phòng tại CTCP thủy điện Nậm He là 66,4 tỷ đồng/giá trị đầu tư 66,4 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư); dự phòng tại CTCP cao su Phú Riềng Kratie 3 tỷ đồng/giá trị đầu tư 3 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư).

- Tình hình chi trả cổ tức:

Năm 2019 là 4% đã thực hiện chốt danh sách chi trả; theo thông báo ngày thanh toán là 29/12/2022.

Năm 2020 là 4% chưa thực hiện chốt danh sách chi trả

#### *b) Tình hình đầu tư máy móc thiết bị thi công*

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công: trong năm 2021 công ty đầu tư 01 ô tô với giá trị 0,6 tỷ đồng/Kế hoạch là 68 tỷ đồng đạt 0,88%.

### **1.4. Tình hình vay và trả nợ ngân hàng**

- Trong năm 2021, số tiền giải ngân là 572,2 tỷ đồng; số tiền trả nợ là 666,28 tỷ đồng. Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên đơn vị đã được BIDV Hà Tây giãn nợ trong những tháng cuối năm tổng số dư nợ vay ngắn hạn được gia hạn là hơn 86,349 tỷ đồng (từ tháng 10 - tháng 12/2021).

- Dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng đến 31/12/2021 là 615,024 tỷ đồng. Lãi vay tài chính năm 2021 là 52,286 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP là 22,241 tỷ đồng (chiếm 42,5% tổng chi phí lãi vay).

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến 31/12/2021 là 428,75 tỷ đồng (trong đó: vay ngân hàng là 367,9 tỷ đồng; vay dài hạn đến hạn trả là 60,7 tỷ đồng)/tổng hạn mức vay ngắn hạn là 550 tỷ đồng, hiện nay các ngân hàng tiếp tục giảm dư nợ cho vay do tình hình tài chính của công ty không cải thiện.

+ Dư nợ vay luôn ở mức cao dẫn đến nhiều rủi ro về tài chính. Nguy cơ cao sẽ có nợ quá hạn và chuyển nhóm tín dụng trong năm 2022.

#### 1.5. Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong việc tổ chức công tác kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết

- Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 315/BCKT-TC/AVA ngày 28/3/2022 do Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam - đơn vị kiểm toán có ý kiến **vấn đề cần nhấn mạnh:** "Như trình bày tại Thuyết minh VII.5 của Báo cáo tài chính, các khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (01/1/2021: 188.552.542.943 đồng). Đây là các khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, trong năm 2021 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết".

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021: (Đvt: Vnd)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
1	Tổng tài sản	2.098.889.545.654	2.258.062.186.166
	- Tài sản ngắn hạn	1.733.653.350.833	1.867.401.525.154
	- Tài sản dài hạn	365.236.194.821	390.660.661.012
2	Nguồn vốn	2.098.889.545.654	2.258.062.186.166
	- Nợ phải trả	1.084.234.605.974	1.475.198.346.210
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	799.032.185.683	815.148.755.111

#### Các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

TT	Các chỉ số	Năm 2021	Năm 2020
1	<b>Bố trí cơ cấu vốn</b>		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,62 lần	0,65 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,63 lần	1,82 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,77 lần	0,87 lần
2	<b>Khả năng thanh toán</b>		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,61 lần	1,55 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,60 lần	1,57 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,36 lần	1,23 lần
3	<b>Hiệu suất sử dụng vốn</b>		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0,13%	1,63%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06%	0,64%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,31%	3,37%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,17%	2,79%



- So sánh các chỉ tiêu năm 2021 với năm 2020, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản nguồn vốn có điều chỉnh nhẹ.
- Về các chỉ tiêu hiệu quả: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn vẫn đang trên tiếp tục giảm, đặc biệt là tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ.

#### **1.6. Về giá trị khối lượng dở dang**

- Giá trị dở dang đến thời điểm 31/12/2021: 219,2 tỷ đồng và giảm 101,8 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công trình lỗ dở dang: Nậm Thuen 1 lỗ 2,84 tỷ đồng; Đăkmi 2 lỗ 2,12 tỷ đồng; Trạm Tàu lỗ 1,7 tỷ đồng; Nậm Cầu lỗ 0,9 tỷ đồng.
- Trong năm qua, việc giải quyết các giá trị khối lượng dở dang tồn tại lâu ngày như đã nêu chưa có chuyển biến tích cực, đặc biệt có một số khoản công nợ sẽ chuyển sang lỗ tại một số dự án như: thủy điện Hòa Na (giá trị quyết toán lán trại dự kiến phân chia lại tính toán giảm trừ 3,3 tỷ đồng); Thủy điện Bản Vẽ (giá trị quyết toán giảm trừ dự kiến là 3,5 tỷ đồng). Ngoài ra tại các dự án khác, như Namthuen 1, Xekaman 3, Xekaman 1, Ngòi hút Vũng Áng,.... và một số dự án khác có công nợ kéo dài khó thu hồi.

#### **1.7. Tình hình công nợ và thu hồi vốn**

- Tổng công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2021 là 1.298 tỷ đồng (riêng phải thu CT Xekaman 3 là 181,298 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm Chiến là 251,955 tỷ đồng; CT Đèo Cả 114,9 tỷ đồng; CT Nậm Theun 1 là 90,4 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm He là 111,62 tỷ đồng; CT Nậm Emoun là 67,8 tỷ đồng.)
- Một số khoản công nợ lớn, khó thu và rủi ro tài chính dẫn đến tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 10 khó khăn, dòng tiền thiếu hụt khi các khoản nợ đến hạn.

#### **Công tác đối chiếu công nợ và lập dự phòng:**

- Các khoản nợ phải thu được theo dõi, phân loại theo hạn nợ, tuổi nợ.
- Trong năm 2021, Công ty không trích lập bổ sung dự phòng, đồng thời hoàn nhập 6 tỷ đồng khoản trích lập dự phòng phải thu của Công ty cổ phần thủy điện Sử Pán 2.
- Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2021 là 12,46 tỷ đồng. Căn cứ tình hình nợ phải thu quá hạn nêu trên, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2021 là rất nhỏ so với giá trị cần phải trích lập theo quy định (riêng công nợ phải thu khách hàng TK131 – từ 1 năm đến dưới 2 năm là 390,27 tỷ đồng; từ 2-3 năm là 507,17 tỷ đồng; trên 3 năm là 401,32 tỷ đồng).

#### **1.9 Tình hình nộp ngân sách**

- Thuế phải nộp đến 31/12/2021 là 29,59 tỷ đồng (trong đó số thuế quá hạn là 20,17 tỷ đồng, riêng quý I/2022 đã nộp được số quá hạn là 4,072 tỷ đồng). Các khoản thuế phải nộp đến 31/12 gồm: thuế GTGT 8,59 tỷ đồng; thuế TNDN là 15,38 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân là 4,92 tỷ đồng; thuế tài nguyên 0,209 tỷ đồng; các loại thuế khác 0,46 tỷ đồng.

- + Số thuế phải đã nộp trong năm 2021 là 27,24 tỷ đồng
- + Số thuế đã phải nộp trong năm 2021 là 31,10 tỷ đồng

- BHXH phải nộp đến 31/12/2021 là 16,945 tỷ đồng trong năm ghi nhận chi phí chậm nộp BHXH là 1,172 tỷ đồng. Trong năm 2021, ghi nhận vào chi phí số tiền phạt, chậm nộp thuế và chậm nộp BHXH là 2,103 tỷ đồng. Do đó làm giảm kết quả lợi nhuận toàn công ty với số tiền tương ứng.

- Trong năm 2021, đơn vị xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, 2020 theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Nghị định 132/2020/NĐ-CP với số tiền 14,447 tỷ đồng do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2021.

### **1.10 Tình hình chi trả lương cho người lao động**

- Tổng số tiền lương phải trả cho người lao động đến thời điểm 31/12/2021 là 48,821 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020 là 58,646 tỷ đồng giảm 17%.

- Tổng thu nhập cán bộ CNV năm 2021 là 172,31 tỷ đồng, số lượng lao động bình quân là 760 người; thu nhập bình quân/1 CBCNV/1 tháng là 18,894 triệu đồng.

- Tại thời điểm 31/3/2022, Công ty đã chi trả tiền lương hết tháng 12/2021, như vậy đến nay nợ 3 tháng lương. Việc chậm lương sẽ ảnh hưởng đến năng suất lao động và tinh thần làm việc của người lao động.

## **2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:**

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Chủ tịch HĐQT thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và chỉ đạo cụ thể các vấn đề phát sinh, đôi khi chi tiết đến từng vấn đề nhỏ.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.

- Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã ban hành 34 nghị quyết và quyết định, trong đó: nghị quyết – quyết định trong lĩnh vực đấu thầu mua sắm máy móc thiết bị là 5; lĩnh vực tài chính tín dụng là 6; tổ chức nhân sự là 5; Quy chế nội bộ là 6; công ty con – công ty liên kết là 1; đấu thầu nhận thầu thi công là 3; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT là 8.

- Công tác điều hành sản xuất mặc dù rất nhiều khó khăn, do thi công dàn trải trên nhiều địa bàn nhưng cũng đã kịp thời nhanh chóng, các công trình dự án đều đảm bảo tiến độ, đạt yêu cầu về kỹ thuật;

- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích.

- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm, mặc dù kết quả công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2021 chưa đạt được kế hoạch (các hợp đồng ký mới với giá trị 706,5 tỷ đồng/kế hoạch là 1.000 tỷ đồng tương đương tỷ lệ 71%).

## **3. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty**

*Handwritten signature*

Năm 2021, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tại điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty. Phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động SXKD của công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

### **III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

Năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định, khắc phục những tồn tại và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua. Để công ty hoạt động hiệu quả trong năm 2022, Ban Kiểm soát kiến nghị một số vấn đề với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty như sau:

- Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022.
- Tìm giải pháp để hoàn thành tiến độ tại các công trình theo các hợp đồng đã ký kết, không để xảy ra tranh chấp hợp đồng và phạt tiến độ vì các nguyên nhân chủ quan.
- Có giải pháp quyết liệt và mạnh mẽ hơn trong việc thu hồi các khoản công nợ khó thu tại một số công trình.
- Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, giảm giá trị dờ dang tại các công trình. Quan tâm và kịp thời giải quyết với các Chủ đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc phê duyệt dự toán, quyết toán, các chế độ chính sách liên quan để đảm bảo quyền lợi của Công ty. Tăng cường các biện pháp và thực hiện có hiệu quả việc thu hồi nợ, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn lâu ngày.
- Chú trọng công tác thị trường để tìm kiếm việc làm cho năm 2022 và những năm tiếp theo.
- Cân đối vốn để chi trả cổ tức năm năm 2019 và 2020, có kế hoạch để sớm chi trả cổ tức năm 2021 sau khi có quyết định của ĐHCĐ.
- Khẩn trương thu hồi số tiền đặt cọc 35 tỷ đồng tại CTCP Đầu tư Hải Thạch BOT.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn thoái vốn tại CTCP TĐ Nậm He.

### **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022**

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Triển khai định kỳ công tác thẩm định báo cáo báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm;
- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan;
- Tập trung rà soát một số chuyên đề khi xét thấy cần thiết;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lê Thị Mai Hương**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÔNG ĐÀ 10

Số: 320/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	11.709.827.293
2	Thuế TNDN nộp bổ sung các năm trước điều chỉnh hồi tố BCTC giảm trừ vào lợi nhuận còn lại các năm trước	Đồng	14.447.610.304
-	Năm 2018	Đồng	21.558.430
-	Năm 2019	Đồng	6.364.321.160
-	Năm 2020	Đồng	8.061.730.714
3	Lợi nhuận còn lại của các năm trước (=1-2)	Đồng	- 2.737.783.011
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của công ty mẹ	Đồng	1.331.290.876
5	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế còn lại (=3+4)	Đồng	- 1.406.492.135

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



Trần Tuấn Linh

Số: 321/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS**  
**năm 2021 và kế hoạch năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

*Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;*

*Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;*

*Căn cứ vào tình hình và kết quả kinh doanh năm 2021.*

Hội đồng quản trị báo cáo và đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua quyết toán tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 như sau:

**1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021**

Trong năm 2021 mặc dù gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận nhưng tập thể CBCNV của Đơn vị đã cố gắng hoàn thành được kế hoạch Doanh thu, Sản lượng đề ra. Vì vậy, Đơn vị đề nghị được quyết toán mức tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS bằng mức kế hoạch. Tổng số tiền lương, thù lao là **1.080.000.000 đồng**. Các mức lương, thù lao cụ thể như sau:

- Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 45 triệu đồng/tháng;
- Lương Thành viên HĐQT chuyên trách (01 người trong 6 tháng): 32 triệu đồng/tháng;
- Lương Trưởng BKS chuyên trách (01 người trong 6 tháng): 26 triệu đồng/tháng;
- Thù lao TV.HĐQT không chuyên trách: 3 triệu đồng/người/tháng.
- Thù lao Trưởng BKS không chuyên trách: 3 triệu đồng/tháng;
- Thù lao thành viên BKS: 2 triệu đồng/tháng.

**2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022**

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		6.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	



6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		3.000.000
8	Trưởng Ban kiểm soát		3.000.000
9	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000

- Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Đơn vị và pháp luật.

- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2022.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên

- Lưu VT.



**Trần Tuấn Linh**



Số: 322 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.*

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt danh sách công ty kiểm độc lập gồm:

1. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).
2. Công ty TNHH Kiểm toán AASC.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Các công ty trên đều nằm trong danh sách các đơn vị có đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp có lợi ích công chúng được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

Giao cho HĐQT lựa chọn một trong số các đơn vị nêu trên để cung cấp cấp dịch kiểm toán năm 2022 cho Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như trên

- Lưu VT. 



**Trần Tuấn Linh**



Số: 323/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022



**TỜ TRÌNH**

**VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM VÀ BẦU THÀNH VIÊN HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của ông Trần Văn Tấn;

Căn cứ vào đề cử của các cổ đông.

Để kiện toàn công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông xem xét quyết định:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông **Trần Văn Tấn**. Lý do: cá nhân có đơn xin từ nhiệm đề nghị hưu theo chế độ.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

a) Số lượng thành viên cần bầu: 01 người.

b) Danh sách ứng viên:

TT	Họ và tên	Cổ đông đề cử	Chức vụ/Nơi công tác
1	.....	.....	.....
2	.....	.....	.....
3	.....	.....	.....

Thông tin chi tiết về các ứng viên như trong bản cam kết của ứng viên kèm theo.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

(Tờ trình sẽ được hoàn thiện sau khi có kết quả ứng cử, đề cử của các cổ đông. Đề nghị các cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử theo Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và quy định của pháp luật)

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Trần Tuấn Linh**

Số: 324/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Để có cơ sở thực hiện khi phát sinh, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét bổ sung thêm khoản 6 vào Điều 35 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

**“Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

6. Trong trường hợp chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị có thể xem xét, bổ nhiệm người khác làm Quyền Tổng Giám đốc Công ty. Quyền Tổng Giám đốc Công ty có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết các công việc và ký các quyết định, văn bản, hợp đồng, hồ sơ . . . thuộc thẩm quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Công ty. Quyền Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.”

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VT.



**Trần Tuấn Linh**

Số: 01 /NQ-ĐH

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Biên bản họp số .../BB-ĐH ngày .../.../2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Kế hoạch SXKD năm 2022**

**1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu**

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐTV	Kế hoạch 2022	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>		<b>926.000</b>	<b>740.000</b>
1	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đồng	844.090	718.090
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 <sup>6</sup> đồng	26.910	21.910
3	Giá trị kinh doanh điện	10 <sup>6</sup> đồng	55.000	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tài chính</b>			
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đồng	896.200	728.200
2	Nộp nhà nước	10 <sup>6</sup> đồng	47.300	27.200
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đồng	8.300	13.400
4	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đồng	5.591	10.691
5	Tỷ suất	10 <sup>6</sup> đồng		
-	Lợi nhuận cận biên	%	0,9	1,8
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	1,3	2,5
	LNST/VCSH	%	0,6	1,3
6	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đồng	879.400	817.900
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 <sup>6</sup> đồng	427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,11	1,55
9	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%		2%

**2. Các nhiệm vụ trọng tâm**

a) Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện kế hoạch,

đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2022.

b) Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thực hiện tại công trình thủy điện Yaly mở rộng, Xekaman 3 . . .

c) Chỉ đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành Nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phần đầu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

d) Tập trung thu hồi công nợ tại các công trình để giảm giá trị khối lượng dở dang và công nợ.

e) Tiếp tục củng cố, xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Đấu thầu TCT Sông Đà để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo kế hoạch, chiến lược tiếp thị, đấu thầu của TCT.

f) Tập trung thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của đơn vị theo kế hoạch.

g) Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm các chi phí xăng xe, điện nước, văn phòng phẩm . . .

(tỷ lệ tán thành: . . . . .% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

## **Điều 2. Báo cáo tài chính năm 2021**

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.

(tỷ lệ tán thành: . . . . .% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

## **Điều 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị.**

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

(tỷ lệ tán thành: . . . . .% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

## **Điều 4. Báo cáo của Ban kiểm soát**

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

(tỷ lệ tán thành: . . . . .% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

## **Điều 5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	11.709.827.293
2	Thuế TNDN nộp bổ sung các năm trước điều chỉnh hồi tố BCTC giảm trừ vào lợi nhuận còn lại các năm trước	Đồng	14.447.610.304
-	Năm 2018	Đồng	21.558.430

NIỆP  
CÔNG  
CỔ PH  
ÔNG I  
TỰ LIÊM

-	Năm 2019	Đồng	6.364.321.160
-	Năm 2020	Đồng	8.061.730.714
3	Lợi nhuận còn lại của các năm trước	Đồng	- 2.737.783.011
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của công ty mẹ	Đồng	1.331.290.876
5	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế còn lại	Đồng	- 1.406.492.135

(tỷ lệ tán thành: . . . . . % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

## **Điều 6. Tiền lương, thù lao**

Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

### 1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021

Tổng số tiền lương, thù lao là **1.080.000.000 đồng**. Các mức lương, thù lao cụ thể như sau:

- Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 45 triệu đồng/tháng;
- Lương Thành viên HĐQT chuyên trách (01 người trong 6 tháng): 32 triệu đồng/tháng;
- Lương Trưởng BKS chuyên trách (01 người trong 6 tháng): 26 triệu đồng/tháng;
- Thù lao TV.HĐQT không chuyên trách: 3 triệu đồng/người/tháng.
- Thù lao Trưởng BKS không chuyên trách: 3 triệu đồng/tháng;
- Thù lao thành viên BKS: 2 triệu đồng/tháng.

### 2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

<b>TT</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Lương (đồng/tháng)</b>	<b>Thù lao (đồng/tháng)</b>
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		6.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		3.000.000
8	Trưởng Ban kiểm soát		3.000.000
9	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000

- Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Đơn vị và pháp luật.
- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

0018  
TY  
IÂN  
10  
T.P.HA

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2022.

(tỷ lệ tán thành: . . . . . % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

### **Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022**

Phê duyệt danh sách công ty kiểm độc lập gồm:

- Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị cụ thể trong số các công ty kiểm toán nêu trên.

(tỷ lệ tán thành: . . . . . % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

### **Điều 8. Bổ sung Điều lệ**

Bổ sung thêm khoản 6 vào Điều 35 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

**“Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

6. Trong trường hợp chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị có thể xem xét, bổ nhiệm người khác làm Quyền Tổng Giám đốc Công ty. Quyền Tổng Giám đốc Công ty có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết các công việc và ký các quyết định, văn bản, hợp đồng, hồ sơ . . . thuộc thẩm quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Công ty. Quyền Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.”

### **Điều 9. Miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông **Trần Văn Tấn** để nghỉ hưu theo chế độ, kể từ ngày Nghị quyết này được ban hành.

(tỷ lệ tán thành: . . . . . % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

2. Bầu ông . . . . . làm thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2025, kể từ ngày Nghị quyết này được ban hành

(tỷ lệ phiếu được bầu: . . . . . % số phiếu bầu).

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 10;
- Các Phó TGD, các phòng/ban, các đơn vị trực thuộc, các công ty con;
- Người CBTT (để công bố);
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**

**Trần Tuấn Linh**

